

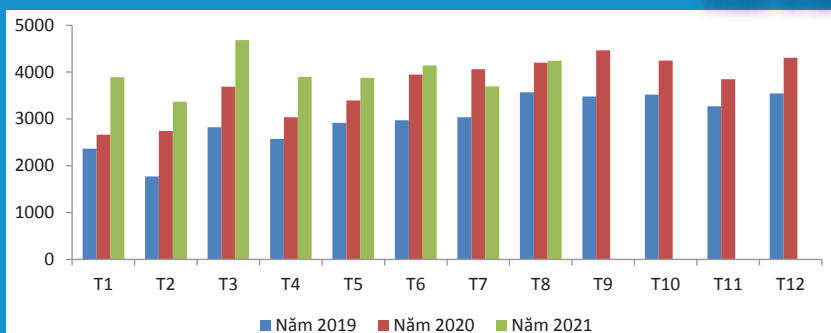
BẢN TIN

CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

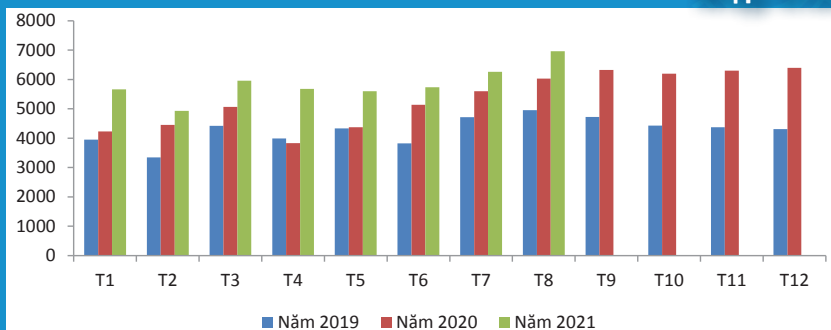
SUPPORTING INDUSTRY BULLETIN

SỐ 13/2021

Xuất khẩu



Nhập khẩu

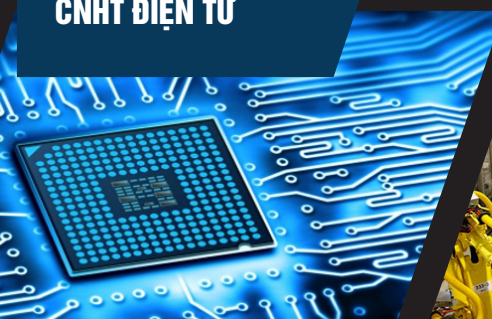


Xuất,
nhập khẩu
máy tính và
linh kiện
điện tử
Việt Nam
tăng trưởng
trong tháng
8/2021

CNHT DỆT MAY



CNHT ĐIỆN TỬ



CNHT Ô TÔ



Mục lục

Tòa soạn:

Tầng 6, Trụ sở Bộ Công Thương
Số 655 Phạm Văn Đồng,
quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Thông tin liên hệ:

Biên tập: (024) 37150530

Marketing: (024) 37150530

Fax: (024) 37150489

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Bích Thủy

Chịu trách nhiệm nội dung:

Nguyễn Bích Thủy

Giấy phép xuất bản số:

29/GP-XBBT ngày 20/4/2021
Bộ Thông tin và Truyền thông

Kỳ hạn xuất bản:

2 kỳ/tháng

Khổ 19cmx27cm

Chế bản tại:

Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại

THÔNG TIN NỔI BẬT

Trong nước

Thế giới

SẢN XUẤT

Cắt giảm chi phí, hỗ trợ doanh nghiệp dệt may vượt qua dịch bệnh Covid-19

Sản xuất điện tử tăng 7,8% trong 8 tháng năm 2021

Ngành công nghiệp ô tô nội địa mới chỉ cung ứng 14% linh kiện

XUẤT - NHẬP KHẨU

Tháng 8/2021, xuất khẩu các sản phẩm CNHT ngành dệt may tăng mạnh so với tháng 8/2020

Xuất nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của Việt Nam tăng trưởng trong tháng 8/2021

Doanh số bán xe ô tô giảm xuống mức thấp nhất trong tháng 8/2021

CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ

Áp thuế chống bán phá giá tạm thời đối với sợi filament nhập khẩu

Chương trình phát triển CNHT tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021- 2025

CÔNG NGHỆ - SẢN PHẨM MỚI

Tesla được cấp bằng sáng chế cho gạt mưa bằng tia laser

Các hãng ô tô Đức sản xuất sản phẩm từ vật liệu tái chế, thân thiện môi trường

Israel phát triển vải có thể chống lại gần như hoàn toàn biến thể Delta

TIN THẾ GIỚI

Trung Quốc trở thành thành viên CPTPP sẽ gây khó khăn cho ngành dệt may của Hoa Kỳ

Các hãng xe thiệt hại 210 tỷ USD vì đứt gãy chuỗi cung ứng

GIAO THƯƠNG

THÔNG TIN THAM KHẢO

Trong nước

- Cắt giảm chi phí, hỗ trợ doanh nghiệp dệt may vượt dịch bệnh Covid- 19
- Sản xuất điện tử tăng trưởng 7,8% trong 8 tháng năm 2021
- Ngành công nghiệp ô tô nội địa mới chỉ cung ứng 14% linh kiện
- Tháng 8/2021, xuất khẩu các sản phẩm CNHT ngành dệt may tăng mạnh so với tháng 8/2020
- Xuất nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của Việt Nam tăng trưởng trong tháng 8/2021
- Doanh số bán xe ô tô giảm xuống mức thấp nhất trong tháng 8/2021
- Áp thuế chống bán phá giá tạm thời đối với sợi filament nhập khẩu
- Chương trình phát triển CNHT tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021 - 2025

Thế giới

- Tesla được cấp bằng sáng chế cho gạt mưa bằng tia laser
- Các hãng ô tô Đức sản xuất sản phẩm từ vật liệu tái chế, thân thiện môi trường
- Israel phát triển vải có thể chống lại gần như hoàn toàn biến thể Delta
- Trung Quốc trở thành thành viên CPTPP sẽ gây khó khăn cho ngành dệt may của Hoa Kỳ
- Các hãng xe thiệt hại 210 tỷ USD vì đứt gãy chuỗi cung ứng 📉

Cắt giảm chi phí, hỗ trợ doanh nghiệp dệt may vượt qua dịch bệnh Covid-19

Đến nay, ngành dệt may vẫn đang gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Với tình hình dịch bệnh vẫn phức tạp, nhiều nhà máy phải đóng cửa và thực hiện 3 tại chỗ, doanh nghiệp (DN) ngành dệt may được nhận định khó có thể phục hồi trong thời gian ngắn tới. Do nhiều tỉnh thành đang triển khai mạnh các hoạt động phòng chống dịch bệnh, đặc biệt tại khu vực phía Nam, đã khiến hoạt động sản xuất của các DN bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất ngành dệt tháng 8/2021 giảm mạnh (13%) so với tháng 7/2021 và chỉ tăng nhẹ (0,7%) so với tháng 8/2020. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2021, chỉ số sản xuất ngành dệt tăng 8,2% so với 8 tháng năm 2020.

Về sản lượng sản xuất sợi: Tháng 8/2021, sản lượng sản xuất các mặt hàng sợi giảm nhiều nhất so với tháng 7/2021 ở nhóm sợi tơ filament tổng hợp, giảm 18,88% so với tháng 7 và chỉ giảm nhẹ (1,5%) so với tháng 8/2020. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2021, sản lượng sản xuất các mặt hàng này vẫn tăng trưởng khá, trong đó sản lượng sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ... tăng cao nhất (12,26%).

Đối với sản xuất vải: Trong tháng 8/2021, mặt hàng vải dệt thoi từ sợi tơ filament nhân tạo có sản lượng giảm mạnh nhất so với tháng trước và cùng kỳ năm 2020. Trong khi đó, sản xuất vải dệt thoi từ sợi tơ filament tổng hợp vẫn giữ mức tăng trưởng khá (Bảng 1).

Chuỗi cung ứng đối mặt với nguy cơ đứt gãy, nhân lực thiếu hụt, vận chuyển gián đoạn và sự điều hành thiếu thống nhất của các địa phương trong sản xuất, lưu thông hàng hóa, nguyên liệu... là những khó khăn mà DN dệt may gặp phải trong bối cảnh đợt dịch Covid thứ 4 đang diễn biến vô cùng phức tạp. Nhiều DN dệt may phải đóng cửa, ngừng sản xuất, sản xuất cầm chừng, không thực hiện được đơn hàng, phải giao hàng bằng máy bay hoặc bị khách hàng hủy đơn hàng. Tổn thất không những về kinh

tế mà cả uy tín đối với khách hàng. Đặc biệt hơn, 4 tháng cuối năm 2021 sẽ là khoảng thời gian cực kỳ khó khăn đối với ngành dệt may, do không ít khách hàng chuyển đơn hàng đi nước khác và sẽ thiếu nhân công do nhiều người lao động đã về quê không dễ quay trở lại ngay. Nếu tình hình dịch bệnh không kiểm soát được trong tháng 9/2021 khả năng ngành chỉ đạt kim ngạch xuất khẩu 33 - 34 tỷ USD và mục tiêu năm 2021 đạt mức thực hiện 39 tỷ USD của năm 2019 sẽ rất xa vời.

Theo kiến nghị của Hiệp hội Dệt May Việt Nam (VITAS), để thực hiện "mục tiêu kép", vừa tập trung kiểm soát dịch, vừa duy trì sản xuất, bảo đảm việc làm, thu nhập cho người lao động, tránh đứt gãy chuỗi cung ứng ngành dệt may, thì một số vấn đề cấp bách cần triển khai. Cụ thể là:

Nhà nước tiếp tục khai thác nguồn vacxin nhiều nhất, nhanh nhất và tiêm đúng đối tượng. Bên cạnh lực lượng tuyến đầu và những người có nguy cơ cao cần ưu tiên tiêm vacxin cho người lao động trong nhà máy và các khu công nghiệp, đội ngũ lái, phụ xe vận tải, shipper, nhân viên làm công tác xuất nhập khẩu.

Đồng thời, thống nhất giữa các địa phương về quy định kiểm tra và phân luồng giao thông để hàng hóa xuất nhập khẩu, nguyên liệu cho sản xuất, hàng hóa thiết yếu phục vụ người dân không bị tình trạng thông thoáng ở địa phương này nhưng ách tắc ở địa phương khác.

Cho phép các khu công nghiệp, DN đã tiêm đủ 2 mũi vacxin cho người lao động tại các địa phương, các vùng không có nguy cơ cao được quay trở lại hoạt động theo điều kiện "bình thường mới".

Địa phương và DN phối hợp chặt chẽ trong xử lý các tình huống phát sinh dịch bệnh và làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao ý thức của người lao động, người dân trong việc thực hiện nghiêm các biện pháp chống dịch theo quy định.

Đặc biệt, đề nghị cắt giảm các chi phí, tạo thuận

Bảng 1: Sản lượng một số sản phẩm CNHT ngành dệt may và sản phẩm may mặc tháng 8 và 8 tháng năm 2021

Tên sản phẩm	ĐVT	T8/2021	T8/2021 so với T7/2021 (%)	T8/2021 so với T8/2020 (%)	8 tháng năm 2021	8T/2021 so với 8T/2020 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành dệt may						
Bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ nguyên liệu dệt khác	1000 cái	38.786	-10,64	-18,15	334.893	3,12
Sợi tơ (filament) tổng hợp	Tấn	125.818	-18,88	-1,50	1.098.446	6,54
Sợi từ bông (staple) tổng hợp có tỷ trọng của loại bông này dưới 85%	Tấn	17.833	-4,48	14,69	136.661	8,58
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cói ...	Tấn	80.214	-8,41	2,54	658.528	12,26
Vải dệt thoi khác từ sợi bông	1000 m2	9.997	-1,10	9,81	69.699	4,78
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	1000 m2	42.126	-7,09	-0,87	329.361	13,93
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo	1000 m2	45.578	-20,45	-23,68	440.368	-7,87
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) tổng hợp	1000 m2	26.815	0,21	10,39	219.457	21,80
Các sản phẩm may mặc						
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	37.613	-15,34	-21,50	330.973	9,97
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	39.313	-28,41	-41,81	483.574	-3,17
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	181.002	-8,02	-4,48	1.493.547	1,64
Các loại mền chần, các loại chần nhồi lông, các loại nệm, đệm, nệm ghế, nệm gối, túi ngủ và loại tương tự có gắn lò xo hoặc nhồi hoặc lấp bên trong bằng vật liệu nhựa hoặc bằng cao su hoặc bằng chất dẻo xốp	1000 cái	1.934	-2,86	19,53	14.768	7,85
Khăn mặt, khăn tắm và khăn khác dùng trong phòng vệ sinh, nhà bếp	Tấn	8.137	0,36	50,81	59.208	12,18
Màn bằng vải tuyền	1000 cái	6.806	0,61	4,32	55.585	-16,93
Quần áo lót cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	16.258	10,96	18,12	115.942	10,33
Quần áo lót cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	55.267	-6,46	35,17	380.159	25,68

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

lợi cho DN, cụ thể: Đề nghị Thành phố Hải Phòng dừng thu phí cảng biển đến 31/12/2021 và nghiên cứu giảm 50% cho năm 2022. Thành phố Hồ Chí Minh hoãn áp dụng thu phí cảng biển tối thiểu đến 30/6/2022. Vì hiện tại các DN đang gặp rất nhiều khó khăn, trong khi Hải Phòng đã thu từ 01/01/2017 đến nay với số tiền rất lớn, mà Luật phí và lệ phí quy định chỉ thu để “cơ bản bù đắp chi phí đã đầu tư”, còn thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu của các tỉnh phía Nam nhưng hầu hết các địa phương này đang thực hiện giãn cách theo Chỉ thị 16 do dịch bệnh bùng phát.

Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước cần chỉ đạo hệ thống ngân hàng không hạ hạn mức tín dụng đối với những DN gặp khó khăn do Covid-19, tiếp tục giảm lãi suất cho vay tối thiểu 1%/năm và giãn thời gian trả nợ gốc và lãi của năm 2021 và 2022.

Đề xuất Nhà nước tiếp tục giảm giá điện, nước và thuế VAT từ 20- 30% cho các DN ở các địa phương phải thực hiện Chỉ thị 16 tối thiểu đến hết tháng 6 năm 2022.

Các địa phương không điều chỉnh giá thuê đất trong điều kiện các DN phải gồng mình chống dịch và nghiên cứu giảm tiền thuê đất 50% cho DN ở các địa phương áp dụng Chỉ thị 16 đến hết năm 2022.

VITAS cũng đề nghị cần dừng các khoản thu từ

DN không phải chi ngay mà để kết dư. Vì hiện tại, số tiền kết dư của hai quỹ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp đang còn quá lớn (theo công bố đến nay là 935.100 tỷ đồng), trong khi DN rất khó khăn, cần phải dừng và giảm nộp 1 năm để hỗ trợ DN trong lúc này.

Bộ Lao động Thương binh xã hội cần nghiên cứu đề xuất dùng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất như quy định tại Nghị quyết 68/NQ-CP, nhưng không phải chỉ trong 6 tháng từ khi nộp hồ sơ mà 1 năm từ khi nộp hồ sơ. Đối với các DN nằm trong địa phương áp dụng chỉ thị 16/CT-TTg được giảm 50% số tiền phải nộp.

Mặt khác, hiện nay kết dư của quỹ công đoàn trong hệ thống công đoàn còn khá lớn. VITAS đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam dừng thu kinh phí công đoàn và đoàn phí công đoàn trước mắt đến 30/6/2022 với các điều kiện như quy định tại Nghị quyết 68/NQ-CP về dùng nộp vào quỹ hưu trí và tử tuất (tức là ít nhất có 15% lao động, kể cả lao động ngừng việc, tạm hoãn, thỏa thuận nghỉ không lương) thay vì 50% như quy định tại Công văn số 2059/TLĐ ngày 28/5/2021 của Tổng Liên đoàn. Đồng thời, miễn đóng đến 31/12/2021 cho DN nằm trong các địa phương thực hiện Chỉ thị 16. Cho phép DN phối hợp với Công đoàn cơ sở được sử dụng quỹ công đoàn đang kết dư tại DN trả chi phí test nhanh, chi phí xét nghiệm cho người lao động, hỗ trợ người lao động gặp khó khăn.. ▣

Sản xuất điện tử tăng 7,8% trong 8 tháng năm 2021

Điện tử là một trong những ngành công nghiệp chủ chốt, đóng góp lớn vào kim ngạch xuất khẩu của nhóm ngành công nghiệp chế biến tạo. Sự góp mặt của các DN FDI với nguồn lực tài chính dồi dào và thị phần ổn định là một phần nguyên nhân giúp sản xuất một số sản phẩm chính của ngành như sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học giữ được mức tăng trưởng 7,8% trong 8 tháng năm 2021. Dù vậy, theo dự báo của Bộ Công Thương, ngành công nghiệp điện tử khó có thể duy trì được mức tăng trưởng trên 10% cho năm 2021 khi sản lượng điện thoại di động chỉ bằng khoảng 97,7% và sản lượng ti vi bằng với cùng kỳ năm ngoái.

Trong tháng 8/2021, sản lượng đa số các sản phẩm CNHT điện tử đều giảm so với tháng trước và cùng kỳ năm 2020. Tính chung 8 tháng đầu năm nay, nhiều sản phẩm công nghiệp hỗ trợ (CNHT) ngành điện tử vẫn có sản lượng tăng so với cùng kỳ năm trước song tốc độ tăng trưởng giảm hơn so với 7 tháng đầu năm như: Dây dẫn điện khác dùng cho hiệu điện thế $\leq 1000V$ tăng 23,41%; dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng tăng 11,42%; loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa tăng 10,64%; bộ phận của các linh kiện điện tử khác chưa được phân vào đầu tăng 10,26%; ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống

đèn âm cực quang điện khác tăng 3,39%; bộ phận của máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in, trục lăn và các bộ phận in khác, trừ máy in offset loại sử dụng trong văn phòng tăng 3,26%... Ngược lại, một số sản phẩm CNHT có sản lượng 8 tháng giảm so cùng kỳ năm trước như: Tai nghe không nối với micro giảm mạnh 50,1%; thiết bị bảo vệ mạch điện khác dùng cho điện áp ≤ 1000 V chưa được phân vào đầu giảm 30,98%; mạch điện tử tích hợp giảm 7,11%...

Thời gian qua, hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm điện tử Việt Nam tăng trưởng khá cao. Theo các số liệu thống kê cho thấy, ngành công nghiệp điện tử của Việt Nam vẫn đang phát triển bất chấp tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19.

Mặc dù dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến hết sức phức tạp đặc biệt ở khu vực Đông Nam Á nhưng Việt Nam vẫn được lựa chọn là điểm đến hấp dẫn với việc xây dựng các cứ điểm sản xuất đặc biệt trong ngành điện tử.

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã ký kết một số Hiệp định thương mại FTA song phương và đa phương với các nước. Các điều khoản liên quan đến cắt giảm thuế quan trong các Hiệp định thương mại mới đã hỗ trợ và thúc đẩy thu hút FDI vào Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam đã ký Hiệp định thương mại tự do với EU, trong đó sẽ giảm dần hầu hết các loại thuế quan, hàng rào pháp lý, rào cản thương mại đã tạo ra cơ hội hợp tác kinh doanh cho Việt Nam và quốc tế. Ngoài ra, Chính phủ Việt Nam cũng ban hành chính sách giảm 30% thuế thu nhập DN đối với các công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao cũng như các khu công nghiệp công nghệ cao đặc thù, các vùng kinh tế kém phát triển. Điều này mở ra nhiều cơ hội cho các DN FDI đầu tư vào Việt Nam, đặc biệt khi ngành công nghiệp điện tử đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Có thông tin cho rằng, mảng sản xuất smart phone của LG đã chuyển hoàn toàn từ Hàn Quốc sang Việt Nam. Tương tự, cả Apple và Nintendo đều đã chuyển một phần dây chuyền sản xuất của mình sang Việt Nam.

Để tận dụng được những cơ hội này, điều quan trọng là các nhà đầu tư phải hiểu được bối cảnh

hiện tại trong nước. Các chuyên gia kinh tế đánh giá, phần lớn các khu công nghiệp tại Việt Nam có vị trí địa lý thuận lợi và khả năng tiếp cận hệ thống giao thông, kho vận. Đó là yếu tố quan trọng hấp dẫn các tập đoàn điện tử đa quốc gia. Trước đại dịch Covid-19, do chiến tranh thương mại Mỹ- Trung và chi phí sản xuất tăng cao ở Trung Quốc cùng với các lợi thế của Việt Nam thì Việt Nam được coi là giải pháp thay thế đầy hứa hẹn của các tập đoàn lớn đang tìm cách dời dây chuyền sản xuất ra khỏi Trung Quốc cũng như điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư mới sản xuất kinh doanh. Việt Nam được đánh giá là quốc gia xuất khẩu điện tử đứng thứ 12 trên thế giới.

Bất chấp những tác động tiêu cực của đại dịch, nhiều nhà đầu tư nước ngoài vẫn chọn Việt Nam là điểm đến đặt các cứ điểm sản xuất của họ. Theo nguồn tin từ Vietnam Plus, hầu hết các nhà đầu tư nước ngoài đã chọn các tỉnh phía Bắc để đặt nhà máy sản xuất và Samsung đã đầu tư hơn 17,5 tỷ USD vào Việt Nam, chiếm hơn 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam với sản phẩm chính là điện thoại di động cao cấp và linh kiện điện tử. Công ty điện tử khổng lồ này đã tuyển dụng hơn 170.000 người làm việc tại các nhà máy sản xuất ở các khu công nghiệp ở tỉnh Bắc Ninh và Thái Nguyên, đồng thời có kế hoạch mở rộng đầu tư hơn nữa trong nước. Đáng chú ý trong thời gian qua, Panasonic cũng đã dịch chuyển nhà máy sản xuất tủ lạnh và máy giặt từ Thái Lan sang Việt Nam, chứng minh cho vị thế trung tâm sản xuất công nghiệp điện tử chính trong khu vực của Việt Nam.

Với những phát triển đáng kể gần đây, Việt Nam đang tạo được lực hút đối với các tập đoàn, DN nước ngoài đầu tư sản xuất. Tuy nhiên, do đại dịch Covid -19 diễn biến phức tạp, để duy trì môi trường đầu tư hiệu quả, cần sự nỗ lực của Chính phủ và các DN trong nước, vừa duy trì sản xuất đảm bảo không đứt gãy chuỗi cung ứng, vừa nâng cao các hoạt động chống dịch, bởi một khi cuộc chiến chống dịch thành công sẽ tạo điều kiện phục hồi, phát triển nền kinh tế- xã hội, phấn đấu đưa Việt Nam trở lại trạng thái “bình thường mới” trong thời gian sớm nhất ▣

Bảng 2: Sản lượng sản xuất một số sản phẩm CNHT và thành phẩm của ngành điện tử tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

Tên sản phẩm	ĐVT	T8/2021	T8/2021 so với T7/2021 (%)	T8/2021 so với T8/2020 (%)	8 tháng 2021	8T/2021 so với 8T/2020 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành điện tử						
Bộ phận của các linh kiện điện tử khác chưa được phân vào đầu	Kg	1.065.310	-2,19	12,77	7.890.651	10,26
Bộ phận của máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in, trục lăn và các bộ phận in khác, trừ máy in offset loại sử dụng trong văn phòng	Tấn	347	-9,99	-62,39	7.480	3,26
Bộ phận của máy tính, máy tính tiền, máy đóng dấu miễn cước bưu phí, máy bán vé và các máy tương tự, có gắn với bộ phận tính toán (trừ máy bán hàng, máy ATM và các máy tương tự)	Tấn	123	-11,00	-21,93	1.071	2,43
Cáp đồng trục và dây dẫn điện đồng trục khác	Tấn	7.258	-19,45	-38,15	89.631	1,93
Dây cách điện đơn dạng cuộn bằng đồng	Tấn	26.979	-0,53	6,10	223.045	11,42
Dây dẫn điện khác dùng cho hiệu điện thế ≤ 1000V	Tấn	15.556	-9,68	5,07	133.920	23,41
Loa đã hoặc chưa lắp vào hộp loa	Cái	19.513.203	-7,66	-12,81	162.902.475	10,64
Mạch điện tử tích hợp	1000 chiếc	690.675	-12,98	-25,12	5.809.621	-7,11
Ống camera truyền hình; bộ chuyển đổi hình ảnh và bộ tăng cường hình ảnh; ống đèn âm cực quang điện khác	Chiếc	24.567.535	8,53	-22,40	190.848.089	3,39
Tai nghe không nối với micro	Cái	2.077.000	-17,99	-69,73	20.479.790	-50,10
Thiết bị bảo vệ mạch điện khác dùng cho điện áp ≤ 1000 V chưa được phân vào đầu	Cái	994.440	8,38	-27,12	6.636.547	-30,98
Các sản phẩm điện tử						
Màn hình khác (trừ loại sử dụng với máy xử lý dữ liệu tự động)	Cái	1.687.537	5,50	37,48	11.861.765	59,81
Máy in offset, in theo tờ, loại sử dụng trong văn phòng	Chiếc	92.159	-22,39	20,10	931.287	16,24
Máy thu hình (Tivi,...)	Cái	409.392	-14,19	-79,55	8.068.897	-27,42
Máy tính bảng có giá dưới 3 triệu	Cái	180.000	18,17	-88,65	1.516.139	-81,71
Máy tính bảng có giá từ 3 đến dưới 6 triệu	Cái	530.000	0,45	10,74	4.094.117	43,41
Máy tính bảng có giá từ 6 - dưới 10 triệu	Cái	150.479	15,58	-45,03	1.132.925	2,02

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

Ngành công nghiệp ô tô nội địa mới chỉ cung ứng 14% linh kiện

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất xe có động cơ trong 8 tháng đầu năm 2021 tăng 23,1% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, sản lượng sản xuất một số sản phẩm CNHT ngành ô tô tăng trưởng khá so cùng kỳ năm 2020 như: Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc tấm lá hoặc dải đạt 46,93 nghìn tấn, tăng 27,97%; thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ đạt 29,7 triệu cái, tăng 27,58%; bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ đạt 77,85 triệu bộ, tăng 13,42%; phụ tùng khác của xe có động cơ đạt 790,46 triệu cái, tăng 27,97%.

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực để phát triển công nghiệp ô tô, song đến nay, DN nội mới chỉ cung ứng được khoảng 14% linh kiện. Trong khi đó tỷ lệ nội địa hoá trung bình của các nước trong khu vực là 65- 70%, riêng Thái Lan đạt hơn 80%.

Cụ thể, theo danh sách về danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng, nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước đã sản xuất được mà Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố mới đây, Việt Nam chỉ sản xuất được 287 mặt hàng linh kiện, phụ tùng ô tô, trong khi một chiếc ô tô có đến khoảng 30.000 linh kiện. Về tỷ lệ nội địa hóa, đối với xe cá nhân đến 9 chỗ ngồi mục tiêu đề ra là 30-40% vào năm 2020, 40- 45% vào năm 2025 và 50- 55% vào năm 2030, song đến nay mới đạt bình quân khoảng 7-10%, trong đó Thaco đạt 15-18%, Toyota Việt Nam đạt 37% đối với riêng dòng xe Innova. Các số liệu cho thấy, tỷ lệ nội địa hoá thấp hơn rất nhiều so với mục tiêu đề ra.

Điểm đáng lưu ý nữa là, các sản phẩm đã được nội địa hóa mang hàm lượng công nghệ không cao, thâm dụng lao động. DN nội chỉ sản xuất lớp ô tô, ghế ngồi, gương, kính, bộ dây điện, ắc quy, sản phẩm nhựa.... còn lại thiết bị quan trọng về động cơ, hệ truyền động, hộp số, hệ thống an toàn và nhiều hệ thống điện tử trên xe, DN Việt Nam vẫn phải nhập khẩu. Tính trong 8

tháng năm 2021, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng linh kiện và phụ tùng ô tô đạt 3,38 tỷ USD, tăng tới 48,9%, tương ứng tăng 1,1 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước.

Theo Bộ Công Thương, với dòng xe cá nhân, Việt Nam hiện có 10 nhà sản xuất gốc(OEM) tham gia thị trường gồm: Toyota, Honda, Suzuki, Mitsubishi, Ford, Mercedes Benz, Thaco (Trường Hải), TC Motor, VinFast. Các nhà sản xuất OEM thực hiện lắp ráp trên dây chuyền sản xuất gồm 4 công đoạn chính là: Hàn, sơn, lắp ráp và kiểm định. Một số hãng có thêm công đoạn dập thân vỏ xe như VinFast, Thaco... Trong chuỗi cung ứng, chỉ có 18 nhà cung cấp phụ tùng ô tô cấp 1 và 58 nhà cung cấp cấp 2, cấp 3. Một số nhà cung cấp sản xuất cả phụ tùng xe máy lẫn ô tô. Những linh kiện nội địa hóa có giá thành cao gấp 2- 3 lần so với Thái Lan và Indonesia.

Có thể thấy, ngành công nghiệp ô tô Việt Nam vẫn bộc lộ nhiều hạn chế như chỉ mới tham gia vào phân khúc thấp của chuỗi giá trị; phụ thuộc lớn vào sự phân công sản xuất của các tập đoàn ô tô toàn cầu; chưa làm chủ được các công nghệ cốt lõi. Ngành sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước vẫn chưa đạt được tiêu chí của ngành sản xuất ô tô thực sự, chưa tạo được sự hợp tác, liên kết và chuyên môn hoá giữa các DN trong sản xuất - lắp ráp ô tô và sản xuất phụ tùng linh kiện; chưa hình thành được hệ thống các nhà cung cấp nguyên vật liệu và sản xuất linh kiện quy mô lớn.

Sản xuất xe ô tô trong nước phải làm sao hạ giá thành nhưng chất lượng nâng cao thì mới cạnh tranh được. Tuy nhiên, giá các linh kiện nội địa tại Việt Nam hiện vẫn còn khá cao. Cụ thể như chiếc nắp bình xăng, bộ phận rất nhỏ trong số 30.000 linh kiện khác nhau của một chiếc ô tô được sản xuất và bán ra ở thị trường Thái Lan chỉ có giá 1,5 USD trong khi tại Việt Nam lên tới 3,8 USD. Sau khi đã tiết giảm tối đa các chi phí, sản phẩm này vẫn có giá 2,5 USD. Vì vậy, các DN lắp ráp ô tô đã lựa chọn phương án nhập khẩu. Chỉ một dẫn chứng nhỏ song có thể lý giải

Bảng 3: Sản lượng một số sản phẩm CNHT của ngành ô tô và ô tô tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

Tên sản phẩm	ĐVT	T8/2021	T8/2021 so với T7/2021 (%)	T8/2021 so với T8/2020 (%)	8 tháng 2021	8T/2021 so với 8T/2020 (%)
Các sản phẩm CNHT ngành ô tô						
Bộ dây đánh lửa và bộ dây khác sử dụng cho xe có động cơ	Bộ	9.107.387	-8,98	-8,37	77.846.867	13,42
Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc tấm lá hoặc dải	Tấn	9.403	-0,03	21,57	46.926	27,97
Phụ tùng khác của xe có động cơ	1000 cái	97.037	1,93	3,30	790.464	8,51
Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	Cái	3.458.824	-1,52	9,77	29.700.820	27,58
Các sản phẩm khác						
Xe có động cơ chở được từ 10 người trở lên chưa được phân vào đâu	Chiếc	1.487	-5,95	110,92	9.897	77,43
Xe có động cơ chở dưới 10 người, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện với dung tích xi lanh > 1500 cc và ≤ 3000 cc	Chiếc	9.521	-4,92	-2,49	90.419	26,60
Xe có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén chở được từ 10 người trở lên với tổng trọng tải > 6 tấn và < 18 tấn	Chiếc	2.300	-34,51	-57,29	38.971	42,17
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén, có tổng trọng tải tối đa > 5 tấn và < 20 tấn	Chiếc	1.255	-13,69	-24,81	13.036	25,47
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén, có tổng trọng tải tối đa 5 tấn	Chiếc	2.507	-12,14	-25,99	26.281	35,75

Nguồn: Tổng Cục Thống kê

nguyên nhân vì sao ngành CNHT ô tô Việt Nam vẫn luôn đi sau các nước.

Cục Công nghiệp (Bộ Công Thương) nhận định, quy mô thị trường ô tô Việt Nam hiện mới chỉ bằng 1/3 của Thái Lan và 1/4 của Indonesia. Thị trường nhỏ, bị phân tán bởi nhiều nhà lắp ráp và nhiều model khác nhau khiến cho các DN sản xuất (cả sản xuất, lắp ráp ô tô và sản xuất linh kiện phụ tùng) rất khó đầu tư, phát triển sản xuất

hàng loạt. Mặt khác, đa số người dân chưa có điều kiện sở hữu ô tô, hệ thống giao thông yếu kém cũng làm giảm cầu của thị trường...

Để gỡ điểm nghẽn cho ngành ô tô trong nước, Bộ Công Thương đã đưa ra 2 nhóm giải pháp với hy vọng sẽ rút ngắn sự chênh lệch giữa ngành công nghiệp ô tô Việt Nam với các nước trong khu vực. Một là, tập trung tạo dựng thị trường bằng cách: quy hoạch và phát triển hệ thống

cơ sở hạ tầng nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng xe ô tô của người dân, đặc biệt tại các đô thị lớn như Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh. Hai là, tháo gỡ vướng mắc về chênh lệch chi phí sản xuất giữa ô tô trong nước và ô tô nhập khẩu thông qua việc tiếp tục duy trì và triển khai có hiệu quả Chương trình ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu linh kiện, phụ tùng cho hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô và Chương trình ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu đối với nguyên vật liệu nhập khẩu phục vụ sản xuất các sản phẩm CNHT ngành sản xuất, lắp ráp ô tô quy định tại Nghị định số 57/2020/NĐ-CP để hỗ trợ các DN giảm chi phí lắp ráp ô tô trong nước; khuyến khích các DN nâng cao sản lượng sản xuất.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đang xây dựng đề án “Giải pháp đón đầu và tận dụng cơ hội từ làn sóng dịch chuyển đầu tư sau đại dịch Covid-19 đối với ngành CNHT, phát triển hệ sinh thái đối với ngành sản xuất ô tô”, trình Chính phủ trong thời gian tới. Theo đó, mục tiêu đến năm 2025, DN Việt Nam có khả năng sản xuất các sản

phẩm CNHT có tính cạnh tranh cao, đáp ứng 45% nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, tiêu dùng nội địa và tăng lên 70% vào năm 2030. Đến năm 2025, có khoảng 1.000 DN và năm 2030 là 2.000 DN đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho lắp ráp ô tô trên lãnh thổ Việt Nam.

Các DN ô tô cũng đã kiến nghị xem xét bổ sung sản phẩm ô tô vào danh mục công nghệ cao, khuyến khích sản xuất từ đó mở rộng, phát triển sản phẩm ô tô Việt Nam.

CNHT cho ngành ô tô Việt Nam còn nhiều bất cập, ít DN vào được chuỗi cung ứng sản xuất của các hãng xe của Nhật Bản và Hàn Quốc. Chưa kể Việt Nam là một thị trường nhỏ, công nghệ sản xuất còn nhiều hạn chế nên các DN trong nước hầu như chưa đáp ứng được những yêu cầu khắt khe về cung ứng linh phụ kiện cho các hãng ô tô toàn cầu. Vì thế, trong tương lai, việc đổi mới và hoàn thiện công nghệ là điều cần thiết, bên cạnh đó là thu hút thêm nhiều doanh nghiệp chuyên sản xuất phụ tùng đầu tư và xây dựng nhà máy tại Việt Nam ▣



Tháng 8/2021, xuất khẩu các sản phẩm CNHT ngành dệt may tăng mạnh so với tháng 8/2020

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong tháng 8/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc của Việt Nam ước đạt 3,35 tỷ USD, giảm 13,9% so với tháng 7/2021 và giảm 2,9% so với tháng 8/2020. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này ước đạt 26,56 tỷ USD, tăng 16,3% so với 8 tháng đầu năm 2020 và tăng 0,3% so với 8 tháng đầu năm 2019. Trong đó, xuất khẩu hàng may mặc chậm lại so với tháng 7/2021 và

tháng 8/2020, chủ yếu do ảnh hưởng của dịch Covid-19 lần thứ 4 bùng phát tại Việt Nam, đặc biệt là tại 19 tỉnh miền Nam, khiến cho các tỉnh, thành phố phải áp dụng các biện pháp giãn cách theo CT16 và CT16+ của Chính phủ, khiến hoạt động sản xuất ngưng trệ, chuỗi cung ứng bị gián đoạn. Ngược lại, xuất khẩu các mặt hàng xơ sợi dệt, vải dệt kỹ thuật, nguyên phụ liệu dệt may... các sản phẩm CNHT ngành dệt may vẫn tăng trưởng rất cao so với tháng 8/2020. Tình hình xuất khẩu cụ thể một số mặt hàng như sau:

Bảng 4: Tình hình xuất khẩu các sản phẩm của ngành dệt may tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

Mặt hàng	Tháng 8 năm 2021			8 tháng đầu năm 2021		
	Trị giá (Nghìn USD)	So với T7/2021 (%)	So với T8/2020 (%)	Trị giá (Nghìn USD)	So với 8T/2020 (%)	So với 8T/2019 (%)
Tổng	3.356.049	-13,9	-2,9	26.567.170	16,3	0,3
Hàng dệt, may	2.654.553	-14,9	-10,8	21.109.536	9,4	-3,1
Xơ, sợi dệt các loại	481.099	-11,0	56,1	3.643.966	63,8	32,4
NPL dệt may, da giày	147.214	-11,3	13,2	1.308.103	24,1	-18,8
Vải mảnh, vải kỹ thuật khác	73.183	0,8	66,7	505.565	88,1	49,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

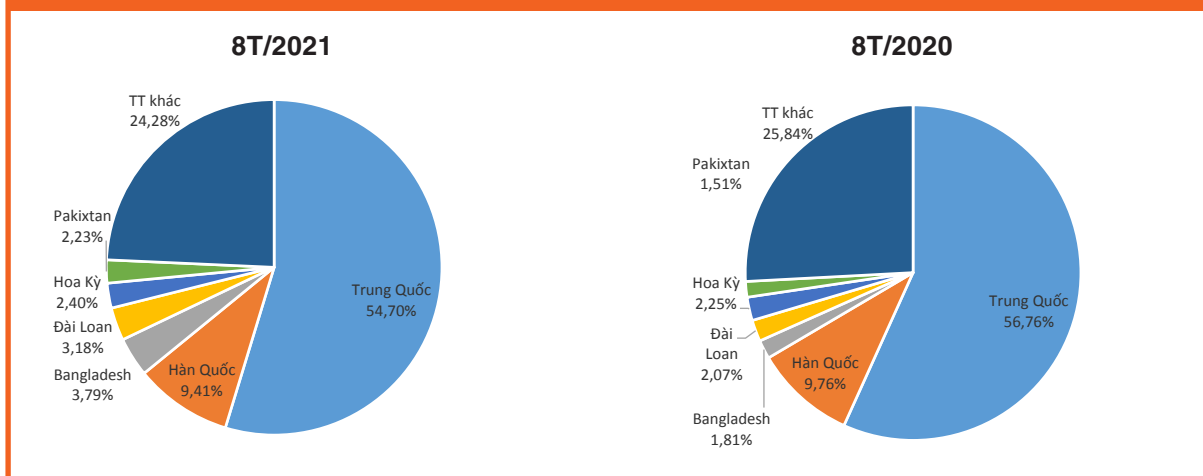
Xuất khẩu xơ sợi dệt các loại

Xuất khẩu xơ, sợi các loại của Việt Nam tháng 8/2021 đạt 481 triệu USD, giảm 7,1% so với tháng 7/2021 nhưng vẫn tăng 56,13% so với tháng 8/2020. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu mặt hàng này đạt 3,64 tỷ USD, tăng 63,38% so với 8 tháng đầu năm 2020.

Trong 8 tháng đầu năm 2021, các thị trường xuất khẩu xơ, sợi chính của Việt Nam là Trung

Quốc, Hàn Quốc, Bangladesh, Đài Loan, Hoa Kỳ... Xuất khẩu sang hầu hết các thị trường đều tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm 2020.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, giá xơ sợi xuất khẩu của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2021 đạt bình quân 2.763 USD/tấn, tăng 28,47% so với giá xuất khẩu bình quân của 8 tháng đầu năm 2020. Trong đó, đơn giá xuất khẩu mặt hàng xơ sợi của Việt Nam sang hầu hết các thị trường đều tăng mạnh.

Biểu đồ 2: Thị trường xuất khẩu xơ sợi (ĐVT: %, tính theo kim ngạch xuất khẩu)


Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Thị trường xuất khẩu xơ, sợi chủ yếu của Việt Nam tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

Thị trường chủ yếu	Tháng 8 năm 2021			8 tháng đầu năm 2021	
	Trị giá (Nghìn USD)	So với T7/2021 (%)	So với T8/2020 (%)	Trị giá (Nghìn USD)	So với 8T/2020 (%)
Tổng	481.099	-7,10	56,13	3.643.967	63,38
Trung Quốc	267.132	-7,87	54,19	1.993.253	57,45
Hàn Quốc	39.316	-10,19	57,14	343.017	57,55
Bangladesh	24.670	1,97	370,54	138.179	242,35
Đài Loan	13.920	-4,84	95,85	116.050	151,35
Hoa Kỳ	11.663	-25,59	42,18	87.513	74,24
Pakixtan	10.378	-21,38	28,45	81.095	140,97

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu vải màn, vải kỹ thuật

Kim ngạch xuất khẩu vải màn, vải kỹ thuật trong tháng 8/2021 đạt 73,18 triệu USD, tăng 0,8% so với tháng 7/2021 và tăng mạnh (66,66%) so với tháng 8/2020. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu mặt hàng này đạt 505,56 triệu USD, tăng 88,10% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu vải màn kỹ thuật của Việt Nam sang các thị trường Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Thái Lan, Nhật Bản... đều tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2020.

Bảng 6: Thị trường xuất khẩu vải màn, vải kỹ thuật tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 8 năm 2021			8 tháng năm 2021		Tỷ trọng xuất khẩu (%)	
	Trị giá (Nghìn USD)	So với T7/2021 (%)	So với T8/2020 (%)	Trị giá (Nghìn USD)	So với 8T/2020 (%)	8T/2021	8T/2020
Tổng	73.183	0,80	66,66	505.565	88,10	100,00	100,00
Hoa Kỳ	26.348	7,75	180,41	157.332	188,21	31,12	20,31
Hàn Quốc	8.048	-1,96	-1,44	56.779	24,87	11,23	16,92
Thái Lan	1.998	-47,40	-34,90	37.750	37,04	7,47	10,25
Nhật Bản	4.907	-5,86	178,04	30.748	95,47	6,08	5,85
Luxembua	2.359	-21,01	50,90	21.006	123,97	4,15	3,49
Indonesia	3.037	-8,93	57,25	19.100	25,05	3,78	5,68

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu nguyên phụ liệu dệt may

Tháng 8/2021, kim ngạch xuất khẩu nguyên phụ liệu (NPL) dệt may đạt trên 147,21 triệu USD, giảm 11,3% so với tháng 7/2021 nhưng tăng 11,15% so với tháng 8/2020. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu mặt hàng này đạt 1,3 tỷ USD, tăng 24,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong 8 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu NPL dệt may của Việt nam sang các thị trường Campuchia, Indonesia, Hồng Kông, Hoa Kỳ... tăng mạnh. Trong khi xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản, Thái Lan, Myanmar, Australia, Anh... giảm.

Bảng 7: Thị trường xuất khẩu NPL dệt may của Việt Nam tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

Thị trường	Tháng 8 năm 2021			8 tháng năm 2021		Tỷ trọng xuất khẩu (%)	
	Trị giá (Nghìn USD)	So với T7/2021 (%)	So với T8/2020 (%)	Trị giá (Nghìn USD)	So với 8T/2020 (%)	8T/2021	8T/2020
Tổng	147.214	-11,30	13,15	1.308.103	24,10	100,00	100,00
Campuchia	17.691	-10,09	11,41	197.867	37,41	15,13	13,66
Indonesia	24.416	-3,19	65,60	177.059	35,95	13,54	12,36
Trung Quốc	15.028	-22,68	-27,51	131.412	3,62	10,05	12,03
Hồng Kông	21.640	62,62	188,75	102.564	39,55	7,84	6,97
Hoa Kỳ	8.923	-37,76	-3,61	98.555	46,81	7,53	6,37
Nhật Bản	8.245	-13,93	-34,10	96.883	-0,82	7,41	9,27
Ấn Độ	9.995	26,85	78,17	66.570	86,87	5,09	3,38

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Diễn biến khó lường của dịch bệnh Covid-19 lần thứ 4 tại Việt Nam đã mang lại nhiều khó khăn, thách thức đối với toàn bộ nền kinh tế nói chung và ngành dệt may nói riêng. Đây có thể coi là một trong những khó khăn nhất từ trước đến nay mà các DN dệt may Việt Nam phải đối mặt ở cả sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu. Sản xuất bị ngưng trệ, trong khi tiêu thụ tại thị trường thế giới cũng như nội địa đều giảm mạnh, tiến độ xuất khẩu bị ảnh hưởng do toàn xã hội phải áp dụng các biện pháp giãn cách để chống dịch từ tháng 7 đến nay đã ảnh hưởng đến tiến độ xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam trong ít nhất là tháng 8, tháng 9 và nhiều khả năng xuất khẩu sẽ hồi phục từ tháng 10/2021. Cơ sở để đưa ra nhận định là:

+ Chính phủ, DN và người lao động đều quyết tâm chống dịch, sẽ hỗ trợ tích cực cho việc kiểm soát tình hình dịch Covid-19 và đến cuối tháng 9/2021 nhiều tỉnh, thành phố đã bắt đầu nới lỏng các biện pháp giãn cách để hồi phục sản xuất, kinh doanh.

+ Các nhà cung cấp khác như Indonesia, Campuchia, Myanmar, Thái Lan... cũng đã và đang phải đối mặt với nguy cơ mất đơn hàng do nhiều nhà máy phải đóng cửa, số ca lây nhiễm Covid-19 tiếp tục tăng nhanh...

+ Xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ, EU vẫn khả quan, do người tiêu dùng Hoa Kỳ, EU tăng nhu cầu mua sắm sau khi lệnh phong tỏa được gỡ bỏ. Theo số liệu thống kê của Bộ Thương mại Hoa Kỳ, 7 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu hàng may mặc của Hoa Kỳ tăng 34,05% về lượng và 25,28% về trị giá so với cùng kỳ năm 2020. Đáng chú ý, Hoa Kỳ tăng nhập khẩu từ hầu hết các nhà cung cấp chính, trong đó có Việt Nam.

Bên cạnh những yếu tố hỗ trợ thì ngành dệt may Việt Nam hiện đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, đó là các vấn đề về thiếu nhân công lao động có thể ảnh hưởng đến thời gian giao hàng, chi phí logistic cao, nhiều nhà máy không thực hiện được phương án sản xuất 3 tại chỗ...

Mặc dù vẫn còn nhiều thách thức do đợt bùng phát dịch Covid-19 lần thứ 4, nhưng với sự quyết tâm cao từ phía Chính phủ, DN và người lao động cùng với tốc độ tiêm vắc xin được đẩy nhanh, tình hình dịch bệnh được kiểm soát và thực hiện tốt các biện pháp chống dịch đi đôi với phát triển kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh của DN sẽ sớm ổn định trở lại, xuất khẩu dệt may của Việt Nam sẽ hồi phục trong những tháng cuối năm ▣

Xuất nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của Việt Nam tăng trưởng trong tháng 8/2021

Dịch bệnh Covid-19 lần thứ 4 bùng phát tại Việt Nam, đặc biệt là tại các tỉnh miền Nam đã ảnh hưởng không nhỏ tới tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Hoạt động sản xuất bị ngưng trệ, tiến độ xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa chậm lại, chuỗi cung ứng bị gián đoạn... Tuy nhiên, hoạt động xuất nhập khẩu mặt hàng máy tính và linh kiện điện tử của Việt Nam tháng 8/2021 vẫn tăng trưởng khá so với tháng 7/2021. Trị giá xuất khẩu đạt cao nhất trong 5 tháng; trị giá nhập khẩu đạt đỉnh tính từ thời điểm thống kê chỉ số này từ trước tới nay. Dự báo, hoạt động xuất nhập khẩu mặt hàng máy tính và linh kiện điện

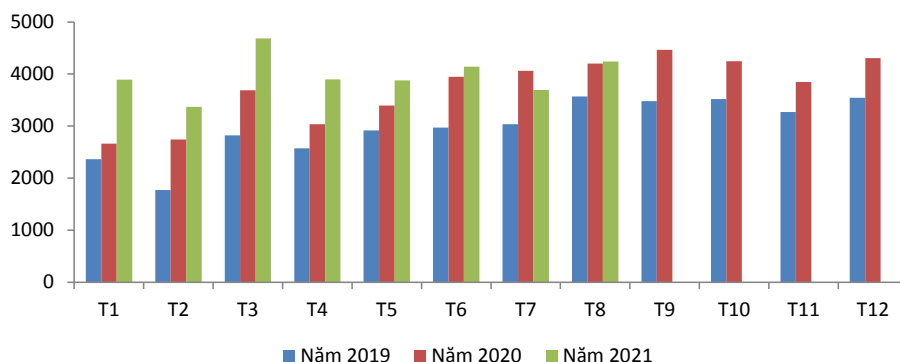
tử của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng cao trong thời gian tới, do nhu cầu tăng mạnh nhằm đáp ứng các yêu cầu làm việc và học tập tại nhà do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các nền kinh tế trong đó có Việt Nam áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội.

Đối với hoạt động xuất khẩu

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử trong tháng 8/2021 của Việt Nam đạt trên 4,24 tỷ USD, tăng 14,84% so với tháng 7/2021 và tăng 0,98% so tháng 8/2020. Tính chung 8

tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu máy tính và linh kiện điện tử đạt 31,79 tỷ USD, tăng 14,78% so với cùng kỳ năm 2020 và chiếm trên 14,89% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của nước ta.

Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng máy tính và linh kiện điện tử giai đoạn 2019- 2021 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Bảng 8: Xuất khẩu máy vi tính và linh kiện điện tử của Việt Nam sang một số thị trường tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

Thị trường chủ yếu	Tháng 8/2021			8 tháng năm 2021		Tỷ trọng xuất khẩu (%)	
	Trị giá (Triệu USD)	So với T7/2021 (%)	So với T8/2020 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 8T/2020 (%)	8T/2021	8T/2020
Tổng	4.242	14,84	0,89	31.800	14,78	100	100,00
Hoa Kỳ	1.317	30,27	32,23	8.088	27,89	25,43	22,83
Trung Quốc	741	12,59	-19,4	6.618	-7,96	20,81	25,95
Hồng Kông	518	13,77	45,1	3.803	70,13	11,96	8,07
EU	439	4,25	-27,39	3.766	10,64	11,84	12,29
ASEAN	270	36,33	70,75	1.830	64,39	5,75	4,02
Mexico	159	21,88	19,68	938	21,3	2,95	2,79
Đài Loan	102	19,6	-1,73	645	-44,72	2,03	4,21
Nhật Bản	75	-0,82	3,65	608	-5,58	1,91	2,33
Ấn Độ	87	11,91	-26,79	548	1,07	1,72	1,96
Australia	28	-7,43	-44,58	319	9,51	1,00	1,05
Nga	18	-51,06	-63,88	308	10,71	0,97	1,00
Brazil	38	-30,27	74,33	306	127,62	0,96	0,49
UAE	24	-60,62	-79,2	270	-16,47	0,85	1,17
Anh	34	57,24	-21,84	223	16,3	0,70	0,69
Canada	50	51,17	32,01	199	-7,73	0,63	0,78
Achentina	3	-35,88	-79,3	97	71,61	0,30	0,20

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Bảng 9: Khối lượng xuất khẩu một số linh kiện máy tính tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

Chủng loại	Tháng 8/2021 (Triệu USD)	So với T7/2021 (%)	So với T8/2020 (%)	8T/2021 (Triệu USD)	So với 8T/2020 (%)
Bộ vi xử lý	1.257,18	-8,52	25,04	7.955,47	8,88
Màn hình các loại và linh kiện	735,87	6,51	-0,47	4.389,02	17,99
Bộ nhớ	503,90	-7,47	83,16	3.013,62	139,31
Điốt - thiết bị bán dẫn	391,86	49,25	-5,25	2.633,08	-20,16
Máy tính xách tay, máy tính bảng	82,82	-57,61	-77,67	2.280,79	48,31
Vi mạch tích hợp	1.906,03	2.287,22	1.622,55	2.268,02	220,71
Tivi	29,82	-88,78	-84,84	1.367,45	26,18
Máy in, máy photocopy và LK	57,27	-69,21	-81,38	1.359,61	-15,19
Thiết bị âm thanh	64,43	-61,60	-76,23	1.211,99	-27,24
Mạch các loại	506,48	332,44	415,11	1.147,20	29,60
Thiết bị chuyển đổi tín hiệu	6,50	-77,64	-91,29	274,87	-37,04
Máy scan, máy quét	7,35	-81,98	-82,71	258,87	19,96
Bo mạch	170,66	318,89	4.490,32	253,63	1.121,68
Máy tính để bàn	45,65	120,24	318,93	186,01	366,32
Card các loại và linh kiện	14,18	-39,23	9,61	183,76	59,73
Tụ các loại	126,83	1.279,51	1.802,46	165,90	412,97
Thiết bị thu phát	14,13	-44,64	-34,27	154,66	9,46
Ổ đĩa vi tính	25,45	16,04	78,07	132,02	32,57
Chuột máy tính	46,58	595,13	566,56	93,85	43,78
Chíp khuếch đại	84,42	2.884,51	14.000,37	90,96	1.459,37
Camera - máy ảnh và linh kiện	0,27	-96,77	-93,03	53,71	-95,36
Điện trở	22,92	482,06	496,86	45,60	-18,59
Micro	17,76	410,21	214,48	43,77	36,47
Thiết bị khuếch đại	2,98	-48,04	-29,49	33,41	57,99
Pin máy tính	4,42	83,33	-21,16	21,40	281,96
Tinh thể điện áp	15,66	1.212,83	3.990,64	18,39	1.086,68
Máy nghe nhạc	0,94	-7,81	-46,65	8,40	-18,33
Máy chiếu	1,25	537,64	-8,54	4,17	-17,78
Đầu đọc đĩa, thẻ và linh kiện	0,47	403,98	-56,75	1,11	-93,07
Vỏ máy tính	0,27	5.466,03	491,30	0,44	-93,68
Bộ cộng hưởng	0,31	1.646,16	1.293,12	0,42	456,60

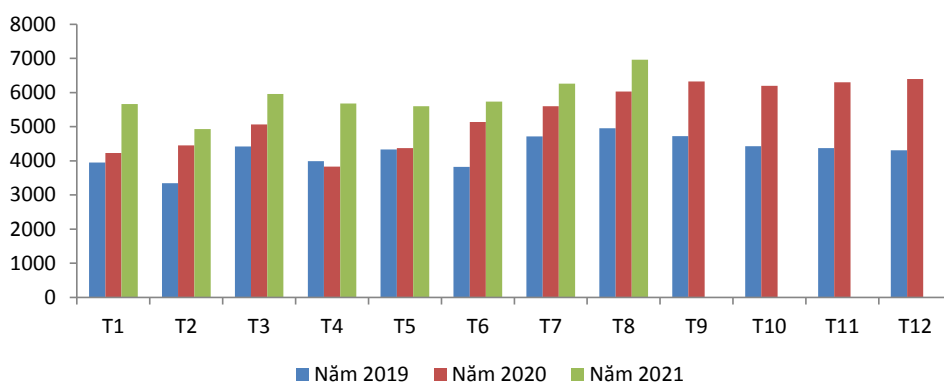
Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Đối với hoạt động nhập khẩu

Tháng 8/2021, nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của Việt Nam đạt trên 6,95 tỷ USD, tăng 11,19% so với tháng 7/2021 và tăng 15,47% so với tháng 8/2020. Tính đến hết 8 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu mặt hàng này đạt 46,83 tỷ USD, tăng 20,86% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 21,67% tổng trị giá nhập khẩu hàng hóa của cả nước.

Trong tháng 8/2021, nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của Việt Nam tăng mạnh chủ yếu do tăng nhập khẩu từ các thị trường Hàn Quốc, Đài Loan, EU... ▣

Biểu đồ 4: Kim ngạch nhập khẩu mặt hàng máy tính và linh kiện điện tử giai đoạn 2019 - 2021 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Bảng 10: Nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử của Việt Nam từ một số thị trường tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2021

Thị trường chủ yếu	Tháng 8 năm 2021			8 tháng năm 2021		Tỷ trọng nhập khẩu (%)	
	Trị giá (Triệu USD)	So với T7/2021 (%)	So với T8/2020 (%)	Trị giá (Triệu USD)	So với 8T/2020 (%)	8T/2021	8T/2020
Tổng	6.960	11,19	15,47	46.839	20,86	100,00	100,00
Trung Quốc	1.922	-2,68	9,36	13.489	34,00	28,80	25,97
Hàn Quốc	2.021	24,84	26,89	12.473	13,15	26,63	28,44
Đài Loan	907	16,78	8,16	6.044	28,37	12,90	12,15
Nhật Bản	518	1,43	3,3	3.521	5,41	7,52	8,62
ASEAN	450	-4,6	2,4	3.427	20,64	7,32	7,33
EU	376	9,34	9,32	3.024	21,05	6,46	6,45
Israel	87	-6,61	67,43	560	19,50	1,20	1,21
Hồng Kông	54	12,16	81,35	212	67,77	0,45	0,33
Mexico	15	-8,24	-30,81	145	-12,01	0,31	0,43
Canada	0	-26,07	-96,95	65	57,12	0,14	0,11
Ấn Độ	1	-46,39	-68,13	63	13,58	0,13	0,14
Thụy Sĩ	6	-35,96	-30,68	63	25,43	0,13	0,13
Anh	3	-23,76	102,95	16	29,74	0,04	0,03

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

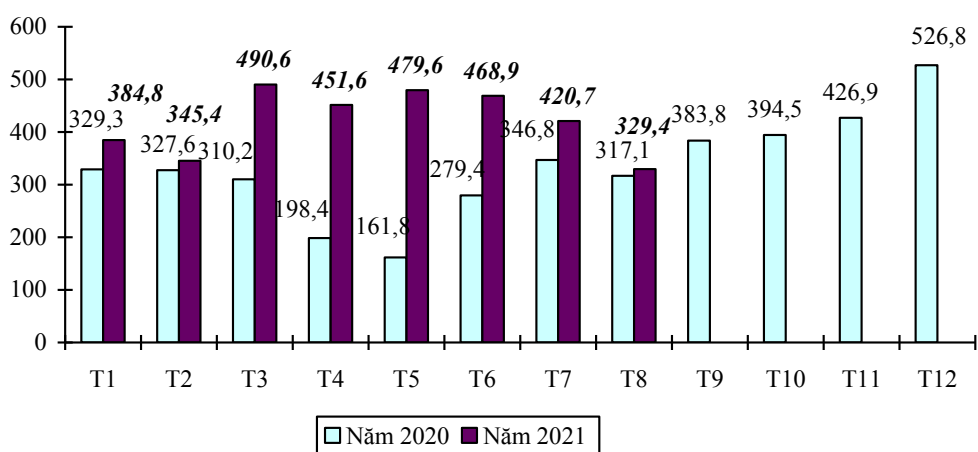
Doanh số bán xe ô tô giảm xuống mức thấp nhất trong tháng 8/2021

Theo thống kê sơ bộ, trong tháng 8/2021, nhập khẩu linh kiện và phụ tùng ô tô các loại của Việt Nam đạt 329,36 triệu USD, giảm 21,72% so với tháng 7/2021 và tăng 3,28% so với tháng 8/2020. Tính chung 8 tháng đầu năm 2021, nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô của cả nước đạt 3,37 tỷ USD, tăng 48,93% so với 8 tháng năm 2020.

Mặc dù, nhập khẩu linh kiện và phụ tùng ô tô các loại của Việt Nam tháng 8/2021 vẫn tăng

nhẹ so với tháng 8/2020, nhưng sẽ chậm lại trong những tháng cuối năm, do tiêu thụ xe trong tháng 8/2021 trên thị trường nội địa đã giảm mạnh, lượng xe cũng như linh kiện phụ tùng tồn kho vẫn còn khá lớn. Tuy nhiên, việc tỷ lệ tiêm vắc xin được đẩy nhanh và bao phủ tại các tỉnh, thành phố, hoạt động giãn cách từng bước được nới lỏng, sẽ thúc đẩy tiêu thụ ô tô và linh kiện phụ tùng ô tô các loại hồi phục trở lại trong tháng 11/2021 và những tháng đầu năm 2022.

Biểu đồ 5: Kim ngạch nhập khẩu linh kiện, phụ tùng ô tô các tháng năm 2020 và năm 2021



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Về thị trường nhập khẩu

Trong tháng 8 năm 2021, Việt Nam nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô chủ yếu từ các thị trường Hàn Quốc, ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản,... trong đó, nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường Hàn Quốc đạt 81,43 triệu USD, giảm 18,62% so với tháng 7 năm 2021, nhưng vẫn tăng nhẹ (3,07%) so với tháng 8 năm 2020, chiếm 24,72% trong tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước.

Nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô cho Việt Nam từ thị trường ASEAN đạt 73,75 triệu USD, giảm 32,16% so với tháng 7 năm 2021 và giảm 12,76% so với tháng 8 năm 2020, bằng 22,39% tổng trị giá nhập khẩu mặt hàng này.

Đáng chú ý, nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô của Việt Nam từ thị trường EU lại tăng mạnh, đạt 18,89 triệu USD, tăng 26,40% so với tháng 7/2021 và tăng 142,84% tháng 8/2020, chiếm 3,74% tổng trị giá nhập khẩu mặt hàng này.

Bảng 11: Nhập khẩu linh kiện phụ tùng ô tô của Việt Nam từ một số thị trường 8 tháng đầu năm 2021

Thị trường	8T/2021 (Nghìn USD)	So với 8T/2020 (%)	Tỷ trọng nhập khẩu 8T/2021 (%)	Tỷ trọng nhập khẩu 8T/2020 (%)
Tổng	3.376.407	48,93	100,00	100,00
DN FDI	1.559.608	57,27	46,19	43,74
Hàn Quốc	865.465	44,64	25,63	26,39
ASEAN	812.438	56,08	24,06	22,96
<i>Thái Lan</i>	<i>632.480</i>	<i>63,04</i>	<i>18,73</i>	<i>17,11</i>
<i>Indonesia</i>	<i>137.761</i>	<i>41,87</i>	<i>4,08</i>	<i>4,28</i>
<i>Malaysia</i>	<i>26.366</i>	<i>10,51</i>	<i>0,78</i>	<i>1,05</i>
<i>Philippines</i>	<i>15.830</i>	<i>35,99</i>	<i>0,47</i>	<i>0,51</i>
Trung Quốc	621.371	60,66	18,40	17,06
Nhật Bản	523.968	24,87	15,52	18,51
Ấn Độ	185.140	85,91	5,48	4,39
EU	126.033	57,07	3,73	3,54
<i>Đức</i>	<i>71.373</i>	<i>74,88</i>	<i>2,11</i>	<i>1,80</i>
<i>Hà Lan</i>	<i>43.637</i>	<i>41,73</i>	<i>1,29</i>	<i>1,36</i>
<i>Italy</i>	<i>5.434</i>	<i>125,24</i>	<i>0,16</i>	<i>0,11</i>
<i>Tây Ban Nha</i>	<i>5.589</i>	<i>-10,23</i>	<i>0,17</i>	<i>0,27</i>
Hoa Kỳ	24.867	115,75	0,74	0,51
Thổ Nhĩ Kỳ	3.534	-26,36	0,10	0,21
Nga	1.657	-46,86	0,05	0,14
Belarus	292	140,68	0,01	0,01
Braxin	1.539	-33,85	0,05	0,10

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan

Thị trường ô tô và linh kiện phụ tùng ô tô trong nước

Về sản xuất: Trong tháng 8 năm 2021, Việt Nam sản xuất, lắp ráp đạt 17.070 chiếc ô tô, giảm 29,1% so với tháng 7 năm 2021 và giảm 34,1% so với tháng 8 năm 2020. Tổng 8 tháng năm 2021, cả nước sản xuất được 184.683 chiếc ô tô, tăng 30,3% so với 8 tháng năm 2020.

Về tiêu thụ: Theo báo cáo của Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA), trong tháng 8/2021, doanh số bán hàng của toàn thị trường đạt 8.884 xe, giảm 45% so với tháng 7/2021 và giảm 57% so với tháng 8/2020. Đây là tháng thứ 5 liên tiếp doanh số bán xe giảm. Trong giai đoạn này, doanh số bán xe toàn thị trường ngày càng giảm với các mức lần lượt là 3,7% vào

tháng 4, 15% vào tháng 5, 8% vào tháng 6, 32% vào tháng 7 và kỷ lục là 45% vào tháng 8.

Hơn nữa, tháng 8 cũng là tháng doanh số đạt thấp nhất trong lịch sử của thị trường ô tô Việt Nam kể từ năm 2015 đến nay. Mức thấp kế tiếp phải kể đến là tháng 2 năm 2016 (tháng Tết Nguyên Đán) với doanh số 11.718 xe và so với mốc kỷ lục thấp này thì doanh số tháng 8/2021 còn thấp hơn tới 3.000 xe.

Theo VAMA, kể từ khi đợt dịch thứ 4 bùng phát vào ngày 27/4 đến nay, có nhiều nhà máy thành viên VAMA đã có những quãng thời gian tạm dừng sản xuất. Với những DN đã có thể hoạt động trở lại và các DN có hoạt động sản xuất bình thường thì lại gặp một trở ngại khác, đó là số lượng xe tồn kho rất lớn do việc dừng hoạt động của các đại lý.

Ước tính khoảng hơn 200 đại lý ô tô thuộc thành viên VAMA vẫn đang đóng cửa và chưa thể mở cửa trở lại. Cùng với đó là hơn 200 xưởng dịch vụ cũng không thể hoạt động. Có thể nói chuỗi cung ứng và các hoạt động phân phối đã bị đình trệ và bị ảnh hưởng nặng nề, nhiều doanh nghiệp đã ghi nhận mức sụt giảm doanh số trên 60%.

Về cơ cấu: Số lượng xe bán ra gồm có 6.231 xe du lịch; 2.344 xe thương mại và 309 xe chuyên dụng. So với tháng trước, doanh số xe du lịch giảm 40%; xe thương mại giảm 55% và xe chuyên dụng giảm 33%.

Tổng doanh số bán hàng của toàn thị trường tính đến hết tháng 8/2021 giảm 13% so với 2019 (thời điểm chưa có dịch COVID-19). Trong đó, xe ô tô du lịch giảm 18%; xe thương mại giảm 2% và xe chuyên dụng tăng 1% so với 8 tháng đầu năm 2019.

So sánh 8 tháng đầu năm với 2019 (thời điểm chưa có dịch COVID-19), doanh số bán xe lắp ráp trong nước giảm 17% và xe nhập khẩu giảm 8%. Tính đến hết tháng 8/2021, doanh số bán hàng của xe lắp ráp trong nước tăng 4% trong khi xe nhập khẩu tăng 36% so với cùng kỳ năm 2020.

Bảng 12: Tình hình sản xuất và kinh doanh mặt hàng ô tô và linh kiện phụ tùng tháng 8 năm 2021

Chủng loại Lượng (chiếc)	Tháng 8/2021		T8/2021 so T7/2021		T8/2021 So T8/2020	
	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)
1. Nhập khẩu ô tô các loại và linh kiện phụ tùng						
1.1 Ô tô nguyên chiếc các loại	10.179	222,4	-29,3	-23,5	15,4	9,9
Ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống	7.520	139,4	-30,3	-27,0	22,4	8,5
Ô tô trên 9 chỗ ngồi	9	0,1	-71,9	-87,0		
Ô tô vận tải	2.125	49,4	-23,6	-16,4	-4,0	-11,3
1.2 Linh kiện phụ tùng		329,6		-21,7		-5,0
2. Xuất khẩu linh kiện phụ tùng		508,7		-10,2		-7,0
3. Sản xuất và tiêu thụ ô tô						
3.1 Sản xuất	17.070		-29,1		-34,1	
3.2 Tiêu thụ	8.884		-44,6		-57,0	
Xe lắp ráp trong nước	5.345		-40,8		-58,5	
Xe nhập khẩu	3.539		-49,5		-54,5	

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan và VAMA

Bảng 13: Tình hình sản xuất và kinh doanh mặt hàng ô tô và linh kiện phụ tùng 8 tháng năm 2021

Chủng loại Lượng (chiếc)	8 Tháng/2021		8T/2021 so 8T/2020	
	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)
1. Nhập khẩu ô tô các loại và linh kiện phụ tùng				
1.1 Ô tô nguyên chiếc các loại	105.702	2.351,4	95,6	91,3
Ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống	72.348	1.304,7	82,8	73,3
Ô tô trên 9 chỗ ngồi	199	6,0	61,8	194,7
Ô tô vận tải	24.035	585,0	123,4	110,6
1.2 Linh kiện phụ tùng		3.343,1		70,7
2. Xuất khẩu linh kiện phụ tùng		4.483,4		33,8
3. Sản xuất và tiêu thụ ô tô				
3.1 Sản xuất	184.683		30,3	
3.2 Tiêu thụ	175.108		15,1	
Xe lắp ráp trong nước	99.162		2,8	
Xe nhập khẩu	75.946		36,5	

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan và VAMA

...tiếp theo trang 26

Các hãng xe..

Giá cao và nguồn cung hạn hẹp của các mặt hàng như thép và nhựa dẻo đang làm tăng chi phí và buộc các nhà sản xuất ô tô phải cắt giảm sản xuất. Cụ thể, các nhà sản xuất ô tô thiệt hại khoảng 7,7 triệu xe trong năm 2021.

Trước đó vào tháng 5, công ty này dự đoán các nhà sản xuất ô tô sẽ mất 3,9 triệu xe tương đương 110 tỷ USD so với kế hoạch sản xuất trong năm 2021.

Tại thị trường Hoa Kỳ, doanh số bán xe bắt đầu chậm lại do lượng xe tồn kho tại các đại lý chỉ

còn khoảng 20 ngày, thấp hơn một nửa so với mức bình thường.

Theo dự báo của các chuyên gia, chất bán dẫn có thể tiếp tục khan hiếm cho đến cuối năm 2022 hoặc đầu năm 2023. Đồng thời, nguồn cung cấp chất bán dẫn đã bị ảnh hưởng trong vài tháng qua bởi sự gia tăng số ca Covid-19 ở Malaysia, dẫn đến khó khăn cho các nhà cung cấp chip chủ lực.

Thêm vào đó, tình trạng tồn ứ các container tại các cảng lớn của Hoa Kỳ đang cản trở hoạt động nhập khẩu thêm hạt nhựa và thép của các nhà sản xuất ô tô. Để gỡ khó, các nhà sản xuất ô tô đang cam kết ký hợp đồng dài hơn để chốt nguồn cung, mua trước từ 40 đến 50 tuần ▣

Áp thuế chống bán phá giá tạm thời đối với sợi filament nhập khẩu

Ngày 31/8/2021, Bộ Công Thương ban hành Quyết định 2080/QĐ-BCT về việc áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm sợi dài làm từ polyester có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Ấn Độ, Cộng hòa Indonesia và Malaysia. Quyết định có hiệu lực từ ngày 03/9/2021.

Ngày 10/9/2021, Tổng cục Hải quan cũng đã có hướng dẫn thực hiện tại Công văn số 4360/TCHQ-TXNK về việc thực hiện thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng sợi.

Theo đó, áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm sợi dài làm từ polyester tạm thời được phân loại theo các mã HS 5402.33.00, 5402.46.00 và 5402.47.00 có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Ấn Độ, Cộng hòa Indonesia và Malaysia.

Các nhóm sợi chính gồm: sợi polyester định hướng một phần (polyester partially oriented yarn - POY), sợi dún polyester (polyester drawn textured yarn - DTY) và sợi polyester được định hướng toàn phần (polyester fully drawn yarn = FDY).

Mức thuế chống bán phá giá tạm thời với các sản phẩm trên có xuất xứ Ấn Độ là 54,90%; Indonesia là 21,94%; Malaysia là 21,23%. Mức thuế trên với Trung Quốc quy định theo từng loại sản phẩm, thấp nhất là 3,44% và cao nhất là 17,45%. Mức thuế trên có thời hạn áp dụng là 120 ngày, kể từ ngày có hiệu lực (trừ các trường hợp khác theo quy định pháp luật).

Thuế chống bán phá giá được áp dụng có hiệu lực trở về trước đối với hàng hóa nhập khẩu trong thời hạn 90 ngày trước khi bị áp dụng thuế này nếu hàng hóa nhập khẩu được xác định bị bán phá giá; khối lượng hoặc số lượng hàng hóa bị bán phá giá nhập khẩu và Việt Nam tăng nhanh đột biến trong giai đoạn từ khi tiến hành điều tra đến khi áp dụng thuế trên và gây thiệt hại khó khắc phục cho sản xuất trong nước.

Để có cơ sở xác định xuất xứ của hàng hóa

nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế chống bán phá giá, Cơ quan Hải quan sẽ thực hiện kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa. Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa gồm: Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O); hoặc Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa phù hợp với quy định tại Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len

Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) cho biết, Bộ Công Thương bắt đầu tiến hành vụ việc điều tra từ tháng 4/2020 trên cơ sở đề nghị của của ngành sản xuất trong nước nộp vào tháng 11/2019. Theo đó, trong quá trình điều tra vụ việc được thực hiện theo đúng quy định của Luật Quản lý ngoại thương và các quy định liên quan cũng như Hiệp định chống bán phá giá của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Trong quá trình điều tra, Bộ Công Thương đã phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét và đánh giá kỹ lưỡng mức độ bán phá giá của các DN sản xuất, xuất khẩu của Indonesia, Malaysia Trung Quốc và Ấn Độ, tác động của hành vi bán phá giá của hàng hóa nhập khẩu đối với hoạt động của ngành sản xuất trong nước cũng như xem xét, tính toán tác động đối với các ngành sản xuất hạ nguồn sử dụng hàng hóa bị điều tra.

Kết quả điều tra cho thấy, trong thời kỳ điều tra từ năm 2017 đến năm 2019, lượng hàng hóa bị điều tra nhập khẩu từ Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia và Malaysia gia tăng đột biến. Lượng nhập khẩu từ 189.262 tấn trong năm 2017 đã tăng lên tới 300.000 tấn trong năm 2019.

Trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19, nhập khẩu sản phẩm sợi filament trong 6 tháng đầu năm 2021 đạt gần 258.000 tấn, tăng tới 37% so với cùng kỳ năm 2020. Hàng hóa nhập khẩu bán phá giá là nguyên nhân chính gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

Cục Phòng vệ thương mại nhận định, việc điều

tra, áp dụng biện pháp chống bán phá giá sẽ góp phần tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các ngành sản xuất trong nước, tăng cường tính tự chủ nguồn nguyên liệu đầu vào, từ đó nâng cao giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm và DN Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Ngoài ra, Việt Nam đã tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA), tạo điều kiện cho nhiều ngành kinh tế, trong đó có dệt may mở rộng thị trường xuất khẩu. Thế nhưng, để được hưởng ưu đãi thuế quan, ngành sản xuất trong nước phải đáp ứng quy tắc xuất xứ chặt chẽ theo từng FTA. Vì thế, việc tăng cường chủ động sản xuất nguyên liệu, đáp ứng yêu cầu về xuất xứ sẽ giúp ngành dệt may tận dụng được lợi ích từ các FTA. Trên cơ sở kết luận điều tra sơ bộ, theo quy định của Luật Quản lý ngoại thương, Bộ Công Thương đã ban hành quyết định tạm thời về vụ việc □

Chương trình phát triển CNHT tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021- 2025

Nhằm tập trung phát triển các lĩnh vực CNHT có nhu cầu và lợi thế, phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp, CNHT của tỉnh Bắc Ninh, UBND tỉnh đã ban hành quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 phê duyệt Chương trình phát triển CNHT tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021- 2025 với tổng kinh phí thực hiện gần 154 tỷ đồng.

Theo đó, Bắc Ninh đặt mục tiêu phát triển các lĩnh vực CNHT có thế mạnh dựa trên nhu cầu phát triển của tỉnh phù hợp với yêu cầu, định hướng phát triển công nghiệp của Bắc Ninh đến năm 2030 trở thành thành phố có nền công nghiệp hiện đại, công nghệ cao và định hướng đến năm 2045 là thành phố công nghiệp công nghệ cao, thông minh.

Đồng thời, thúc đẩy phát triển các ngành CNHT thông qua việc nâng cao năng lực cạnh tranh DN CNHT, nhất là các DN trong nước; thu hút đầu tư từ mọi thành phần kinh tế vào lĩnh vực CNHT, từ đó, gia tăng số lượng DN CNHT.

Bên cạnh đó, đẩy mạnh liên kết chuỗi cung ứng trong địa bàn tỉnh giữa DN trong nước và DN FDI, giữa các DN CNHT với DN lắp ráp; thúc đẩy liên kết với các tỉnh có lợi thế phát triển công nghiệp như: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Hưng Yên, Hải Dương để đa dạng hoá chuỗi cung ứng cho các DN FDI trên địa bàn.

Cụ thể, đến năm 2025, Bắc Ninh có khoảng 800 DN hoạt động trong lĩnh vực CNHT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu; trong đó, 70% DN áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị DN, quản trị sản xuất.

Giá trị sản xuất công nghiệp của CNHT chiếm khoảng 15% giá trị sản xuất công nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; chỉ số phát triển công nghiệp trong lĩnh vực CNHT hàng năm tăng từ 8- 9%.

Ngoài ra, tỉnh cũng tập trung liên kết, xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn, cải tiến DN trong và ngoài nước; mỗi năm tổ chức tư vấn, cải tiến cho từ 5-10 DN đạt tiêu chuẩn tham gia cung ứng cho Công ty Samsung và các DN FDI khác.

Thực hiện chương trình đó, tỉnh sẽ kết nối, hỗ trợ DN CNHT trở thành nhà cung ứng sản phẩm cho khách hàng ở trong và ngoài nước; xúc tiến thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực CNHT; áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị DN, quản trị sản xuất.

Mặt khác, tỉnh cũng đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của các ngành sản xuất sản phẩm CNHT; nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu; xây dựng và công bố thông tin về CNHT hàng năm.

Tổng kinh phí thực hiện chương trình được UBND tỉnh phê duyệt trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 là 153,97 tỷ đồng; trong đó, từ nguồn vốn ngân sách nhà nước 113,94 tỷ đồng và hơn 40 tỷ đồng từ các nguồn khác. UBND tỉnh Bắc Ninh giao Sở Công Thương chủ trì phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện □

Tesla được cấp bằng sáng chế cho gạt mưa bằng tia laser



Ngày 8/9/2021, Văn phòng Thương hiệu và Sáng chế Hoa Kỳ đã cấp bằng sáng chế cho Tesla về hệ thống làm sạch bụi bẩn kính chắn gió (và các bề mặt tương tự khác) bằng cách sử dụng tia laser.

Theo bằng sáng chế, có tiêu đề là “làm sạch bằng tia laser trên các bề mặt kính trên xe ô tô và bề mặt quang điện”, hệ thống sẽ tự động phát hiện bụi bẩn trên bề mặt, sau đó bắn thổi nó đi bằng một chùm tia laser được phát với độ chính xác cao.

Mặc dù công dụng rõ ràng nhất của sáng chế là dùng laser để thổi sạch kính chắn gió, nhưng nó có thể còn có giá trị hơn ở những nơi khác trên ô tô.

Tesla giải thích, bụi bẩn có thể tích tụ trên ống kính của camera gắn trên xe có thể gây ra lỗi trong quá trình thu nhận hình ảnh, và công nghệ camera rất quan trọng đối với các chương trình xe tự hành trong tương lai của Tesla.

Một ví dụ khác, bụi bẩn tích tụ trên các tấm quang điện mặt trời trong một khoảng thời gian có thể làm giảm hiệu suất thu năng lượng của các tấm pin mặt trời, gợi ý rằng công nghệ này có thể được sử dụng trên ô tô, gia đình, nhà máy và bất cứ nơi nào thu nạp năng lượng mặt trời.

Cần gạt nước trên kính chắn gió xe hơi xuất hiện từ năm 1903 và hoạt động theo cơ chế chuyển động cơ khí. Đến khoảng những năm 1950, chúng chuyển sang năng lượng điện bằng cách quay mô tơ. Nhưng nguyên tắc công nghệ của việc kéo một lưỡi cao su gạt qua gạt lại trên mặt của kính, đã không thay đổi hơn một thế kỷ nay. Thậm chí, kính của sổ khoang lái trên máy bay

thân rộng như Boeing vẫn dùng gạt mưa với công nghệ tương tự ■

Các hãng ô tô Đức sản xuất sản phẩm từ vật liệu tái chế, thân thiện môi trường

Ngày 6/9/2021, hãng sản xuất ô tô hạng sang BMW của Đức giới thiệu mẫu ô tô ý tưởng i Vision Circular, một chiếc xe được chế tạo từ vật liệu tái chế và thân thiện có thể tái chế 100%.

Thay cho việc sử dụng sơn, mẫu ô tô ý tưởng có thành phần thân xe được làm từ nhôm tái chế với lớp mạ màu vàng nhạt. Các chi tiết viền chrome, khung cửa, đường viền và trang trí được lược bỏ, với logo (biểu tượng) BMW (ở đầu xe) được khắc laser vào kim loại nhằm tránh thêm các bộ phận bổ sung.



Tất cả thông tin liên quan được chiếu vào khu vực dưới kính chắn gió, và thông tin dữ liệu có thể di chuyển trực tiếp đến tầm nhìn của người dùng hoặc ẩn đi. Gương chiếu hậu bên trong và hai bên sườn xe được BMW thay thế bằng sử dụng công nghệ camera.

Tiếp đó, tại Triển lãm quốc tế diễn ra tại Munich (Đức) diễn ra từ ngày 7-12/9/2021, hãng lốp Continental đã giới thiệu và trưng bày loại lốp xe sử dụng vật liệu tái chế. Ý tưởng công nghệ sử dụng hơn 60 vỏ chai nước để làm nên cạnh lốp cho bộ 4 lốp xe hơi, trong đó hơn một nửa số nguyên liệu thô sử dụng là tái chế hoặc từ các nguồn tái tạo.

Ngoài việc có thể tái tạo, lốp xe sử dụng những loại vật liệu sinh học, như cao su tự nhiên từ bồ công anh, silicat từ than vỏ trấu, dầu thực vật cùng nhựa thông, cho phép giảm đáng kể



các loại vật liệu làm từ dầu thô. Nhựa chỉ là một phần, 17% vật liệu khác xuất phát từ thép và muối than tái sinh. Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là lần đầu tiên sử dụng polyester làm từ nhựa tái chế. Việc này sẽ không giới hạn ở mặt ý tưởng (concept) khi hãng đã có kế hoạch giới thiệu công nghệ ContiRe.Tex trong năm sau.

Với việc sử dụng nhựa tái chế, lốp xe sẽ trở thành một linh kiện xanh, nhẹ, với chỉ khoảng 7,5 kg, tức nhẹ hơn 40% so với lốp thông thường. Giảm trọng lượng cũng giúp tối ưu ta-lông, sử dụng kiểu thành lốp đặc biệt, và một thiết kế cạnh lốp mới.

Lốp xe dạng concept được thiết kế với những mẫu xe thân thiện với môi trường cho phép tạo ra lực cản lăn rất thấp, thấp hơn khoảng 25% so với mức tốt nhất theo hệ thống thông số lốp xe ở châu Âu ■

Israel phát triển vải có thể chống lại gần như hoàn toàn biến thể Delta



Ngày 26/9/2021, Công ty sản xuất khẩu trang Sonovia của Israel công bố báo cáo thử nghiệm cho thấy khẩu trang của họ có khả năng chống lại gần như hoàn toàn biến thể Delta đang gây dịch bệnh COVID-19 toàn cầu.

Cụ thể, kết quả thử nghiệm từ phòng thí nghiệm hàng dệt may Vismederi Textyle của Italy loại vải của công ty này có khả năng diệt trên 99,95% biến thể Delta của virus SARS-CoV-2.

Loại vải đặc biệt này cũng có tác dụng diệt virus gây bệnh cúm A (H1N1). Hiện phòng thí nghiệm Vismederi Textyle đang tiếp tục thử nghiệm khả năng diệt biến thể MU của virus SARS-CoV-2.

Công nghệ dệt vải của Sonovia sử dụng sóng âm thanh để đưa các hạt nano bạc và kẽm vào sợi dệt trong quá trình dệt. Các tinh thể này lưu giữ trên vải sẽ có tác dụng tiêu diệt vi khuẩn và virus. Công ty đang có kế hoạch đưa loại vải này ra sản xuất bọc ghế trên các phương tiện giao thông công cộng hoặc làm ga gối trong các khách sạn và cả quần áo thời trang.

Các biến thể COVID-19 có thể có các đặc tính dịch tễ học hoặc miễn dịch học khác nhau là kết quả của đột biến điểm ở những khu vực quan trọng của miền liên kết thụ thể. Tuy nhiên, cấu trúc tổng thể và các đặc tính lý sinh của virus gần như giống hệt nhau. Do đó, tác dụng chống vi-rút do vải được xử lý Sonovia tạo ra dự kiến sẽ có trong tất cả các biến thể COVID-19.

Những kết quả mới nhất này khiến Sonovia trở thành nhà sản xuất loại vải dệt duy nhất được biết đến đã được chứng minh là loại bỏ cả chủng Alpha và Delta COVID-19. Qua đó cũng chứng minh thêm vai trò của khẩu trang trong ngăn chặn sự lây lan của virus.

Trước đó, các nhà nghiên cứu thuộc Đại học Tự trị quốc gia Mexico (UNAM) cũng đã phát minh ra chiếc khẩu trang 3 lớp (bao gồm các lớp nano bạc và đồng) có thể vô hiệu hóa virus SARS-CoV-2. UNAM đặt tên cho chiếc khẩu trang là SakCu. Sak có nghĩa là bạc trong ngữ hệ Maya và Cu là ký hiệu hóa học của đồng.

Kết quả nghiên cứu cho thấy nếu nồng độ virus cao, 80% virus sẽ biến mất trong khoảng 8 giờ. Nếu nồng độ virus thấp, không có RNA nào của virus được phát hiện trong vòng 2 giờ.

Theo báo cáo của UNAM, khi tiếp xúc với lớp nano bạc và đồng, màng của virus SARS-CoV-2 bị vỡ và RNA của nó bị hỏng. Vì vậy, ngay cả khi khẩu trang SakCu bị vứt bỏ không đúng cách thì cũng không có vấn đề gì, vì nó không gây ô nhiễm như khẩu trang thông thường khi bỏ đi. SakCu có thể tái sử dụng và rửa được khoảng 10 lần mà không mất tính chất diệt khuẩn. UNAM cho biết họ có thể sản xuất 200 chiếc khẩu trang như vậy mỗi ngày ■

Trung Quốc trở thành thành viên CPTPP sẽ gây khó khăn cho ngành dệt may của Hoa Kỳ

Việc Trung Quốc có thể trở thành thành viên của CPTPP sẽ tạo ra rào cản cho ngành dệt may của Hoa Kỳ và có thể tạo ra những thách thức chưa từng có đối với chuỗi cung ứng hàng dệt may ở Tây Bán cầu, liên quan trực tiếp tới sản xuất của ngành dệt may Hoa Kỳ.

Nếu Trung Quốc trở thành thành viên của Hiệp định CPTPP, việc cắt giảm thuế quan có thể thúc đẩy các nhà sản xuất Mexico và Canada sử dụng hàng dệt may Trung Quốc nhiều hơn. Điều này sẽ làm tăng tỷ trọng xuất khẩu hàng dệt may của Trung Quốc ở hai thị trường này nhiều hơn của Hoa Kỳ.

Hiện tại, Hoa Kỳ là nhà cung cấp dệt may lớn nhất cho Mexico và Canada với thị phần lần lượt là 48,2% và 32,7%. Mexico và Canada cũng là thị trường xuất khẩu lớn nhất của các nhà sản xuất dệt may Hoa Kỳ, chiếm tới 46,4% tổng kim ngạch xuất khẩu sợi và vải của Hoa Kỳ vào năm 2020. Tuy nhiên, với giá cung cấp Trung Quốc cạnh tranh, thị phần của Trung Quốc cũng được mở rộng, trong khi các nhà cung cấp dệt may của Hoa Kỳ bị thu hẹp gần 20 điểm phần trăm thị phần từ 2015-2019.

Mối đe dọa tiềm tàng đối với thị trường xuất khẩu của Hoa Kỳ

Nếu Trung Quốc trở thành thành viên CPTPP, hàng dệt may xuất khẩu của nước này sẽ được miễn thuế vào Mexico và Canada. Việc Mexico giảm thuế nhập khẩu từ 9,8% xuống 0% đối với Trung Quốc sẽ khiến hàng dệt may của nước này có giá cạnh tranh hơn so với Hoa Kỳ. Điều này sẽ khiến ngành dệt may Hoa Kỳ mất thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của mình.

Tư cách thành viên CPTPP của Trung Quốc cũng sẽ khuyến khích Mexico và Canada nhập khẩu hàng dệt từ đó và xuất khẩu hàng may mặc thành phẩm sang Hoa Kỳ miễn thuế. Điều này sẽ tác động tiêu cực đối với ngành dệt may Hoa Kỳ vì làm giảm xuất khẩu hàng dệt may của Hoa Kỳ sang thị trường quan trọng bao gồm

các nước CAFTA-DR. Xuất khẩu hàng dệt may của Hoa Kỳ sang các nước CAFTA-DR chủ yếu phụ thuộc vào khối lượng hàng may mặc xuất khẩu của các thành viên này sang Hoa Kỳ. Mặt khác, hàng may mặc nhập khẩu của Hoa Kỳ từ châu Á không bị lệ thuộc vào hàng dệt may do Hoa Kỳ sản xuất. Các mặt hàng nhập khẩu này chủ yếu được làm từ hàng dệt may châu Á. Ví dụ, Việt Nam nhập khẩu 97% hàng dệt may của mình, bao gồm cả sợi và vải từ các nước châu Á bao gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan và Nhật Bản...

Tăng khả năng cạnh tranh của Việt Nam

Việc Trung Quốc trở thành thành viên của CPTPP cũng có khả năng đưa Việt Nam trở thành nước xuất khẩu hàng may mặc cạnh tranh hơn so với Hoa Kỳ. Hiện Việt Nam là thị trường xuất khẩu hàng may mặc lớn thứ hai vào thị trường này, chỉ sau Trung Quốc. Nhập khẩu hàng may mặc của Hoa Kỳ từ Việt Nam tăng 131% từ năm 2010 đến năm 2020. Tỷ trọng xuất khẩu hàng may mặc từ Việt Nam cũng tăng từ 7,6% trong năm 2010 lên 19,3% trong nửa đầu năm 2021. Việc Trung Quốc trở thành thành viên CPTPP có thể khuyến khích Trung Quốc đầu tư nhiều hơn vào Việt Nam và tăng khả năng cạnh tranh trong xuất khẩu hàng may mặc. Việc Trung Quốc và Việt Nam trở thành thành viên CPTPP cũng có thể làm giảm nhu cầu đối với hàng dệt may của Hoa Kỳ, khiến sự tồn tại của ngành dệt may Hoa Kỳ càng trở nên khó khăn hơn ■

Các hãng xe thiệt hại 210 tỷ USD vì đứt gãy chuỗi cung ứng

Các nhà sản xuất ô tô toàn cầu có thể mất 210 tỷ USD doanh thu trong năm 2021 do gián đoạn chuỗi cung ứng, gần gấp đôi so với dự báo hồi đầu năm.

Theo dự báo mới nhất của công ty tư vấn Alix-partners (Hoa Kỳ), việc thiếu hụt chất bán dẫn chỉ là một phần dẫn đến sụt giảm doanh thu.

...xem tiếp trang 21 ►

Công ty Nhật Bản cần đặt sản xuất túi, ví vải nhỏ

Công ty Nhật Bản “CRUCIAL (<http://cru-cial.com/>)”, tìm kiếm công ty của Việt Nam sản xuất túi, ví vải nhỏ (tiếng Nhật: Kinchaku) hình kèm theo.



御朱印帳
巾着袋 麻の葉 朱



御朱印帳
巾着袋 小桜 金茶



御朱印帳
巾着袋 あられ小紋 赤

Hiện tại, Công ty có thể mua loại túi vải thô, về sau này Công ty có thể gửi nguyên liệu vải từ Nhật Bản để sản xuất túi theo mẫu đặt hàng riêng của công ty.

Nhà sản xuất của Việt Nam quan tâm, đề nghị điền thông tin theo mẫu đính kèm và gửi lại Thương vụ Việt Nam tại Nhật Bản, Email: jp@moit.gov.vn

Doanh nghiệp NZ tìm nhà sản xuất túi vải bố (canvas bag)

Công ty Ute Master đang tìm kiếm nhà sản xuất túi xách tay từ vải bố (canvas bag).

Liên hệ: Tony Cartwright | General Manager

Utemaster NZ Ltd 31 Reta Crescent, Kerepehi, PO Box 81, Thames 3540 www.utemaster.co.nz

E tony.cartwright@utemaster.co.nz



Hình ảnh
chỉ mang tính chất minh họa

Công ty Ai Cập cần nhập khẩu phôi nhôm 6063

Công ty Canadian Aluminum International Company Ai Cập có nhu cầu nhập khẩu phôi nhôm 6063 và nguyên sinh (Aluminum Billets 6063 and Primary aluminum) từ Việt Nam.

DN: Canadian Aluminum International Company

Địa chỉ: Lot #164 to 169 Industrial Area Extension, 6th of October City, Giza, Egypt

Website: <https://www.caluminium.com>



+202-3824-3372



+202-3824-3374

Mr. Nasser Abd El Fatah, Foreign Purchasing Manager



+20-102-167-7171



naser.ahmed@caluminium.com

Tình hình sản xuất một số sản phẩm CNHT tại các tỉnh, thành phố

Sản phẩm	Tỉnh/TP	ĐVT	Ước tháng 8/2021	Tháng 7/2021	Tháng 8/2020
Linh kiện điện tử					
Dịch vụ sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	Bình Dương	Triệu đồng	644.699	626.072	594.912
	TP. Hồ Chí Minh	Triệu đồng	350.876	349.891	283.250
	Vĩnh Phúc	Triệu đồng	16.520	15.822	16.500
Dịch vụ sản xuất linh kiện điện tử	Vĩnh Phúc	Triệu đồng	16.525.596	15.213.804	15.121.786
	Bình Dương	Triệu đồng	329.988	323.803	315.716
	TP. Hồ Chí Minh	Triệu đồng	172.619	67.679	473.060
Linh kiện ô tô					
Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	TP. Hà Nội	Cái	2.548.664	2.531.128	2.004.482
	Hoà Bình	Cái	550.000	620.919	387.230
	Đồng Nai	Cái	360.160	360.160	759.300
Xe có động cơ chở dưới 10 người, có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện với dung tích xi lanh > 1500 cc và ≤ 3000 cc	TP. Hải Phòng	Chiếc	4.059	2.985	1.421
	Vĩnh Phúc	Chiếc	3.337	3.952	4.603
	Ninh Bình	Chiếc	2.125	3.077	3.449
Nguyên phụ liệu dệt may					
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa, cối ...	Quảng Ninh	Tấn	25.000	26.786	24.190
	Tây Ninh	Tấn	15.150	16.424	15.463
	Thừa Thiên Huế	Tấn	7.626	8.324	7.032
Vải dệt thoi khác từ sợi bông	Nam Định	1000 m2	6.420	6.412	5.272
	Đồng Nai	1000 m2	2.250	2.350	2.286
	Hà Nam	1000 m2	982	996	822
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	Đồng Nai	1000 m2	21.074	23.679	26.610
	Quảng Ninh	1000 m2	8.500	8.956	6.105
	Phú Thọ	1000 m2	6.324	5.945	4.630
Vải dệt thoi từ sợi tơ (filament) nhân tạo	Đồng Nai	1000 m2	26.403	32.886	30.770
	Long An	1000 m2	16.885	20.819	24.350
	Hà Nam	1000 m2	1.152	1.169	1.218
Sản phẩm dệt may					
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	Hải Dương	1000 cái	6.998	6.908	7.415
	TP. Hà Nội	1000 cái	6.683	7.574	5.737
	Đồng Nai	1000 cái	4.995	5.639	3.296
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc	TP. Hồ Chí Minh	1000 cái	15.850	25.381	36.016
	Đồng Nai	1000 cái	6.061	9.880	9.623
	Tiền Giang	1000 cái	5.809	7.052	10.227
Các loại mền chần, các loại chần nhồi lông, các loại nệm, đệm, nệm ghế, nệm gối, túi ngủ và loại tương tự có gắn lò xo hoặc nhồi hoặc lấp bên trong bằng vật liệu nhựa hoặc bằng cao su hoặc bằng chất dẻo xốp	TP. Hà Nội	1000 cái	687	683	517
	TP. Cần Thơ	1000 cái	475	525	450
	Hưng Yên	1000 cái	420	420	349
Quần áo lót cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	Thừa Thiên Huế	1000 cái	38.490	40.830	28.750
	TP. Hải Phòng	1000 cái	10.914	12.071	5.624
	Bình Phước	1000 cái	3.939	3.939	3.989

Nguồn: Tính toán từ số liệu sơ bộ của Tổng cục Thống kê và các cục Thống kê